

DỰ TOÁN THU - CHI

CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026
(Theo Nghị Quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Nghị Quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội Đồng Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 1888/SGDDĐT - KHTC ngày 29/8/2025 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh TP Hồ Chí Minh hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 455/UBND-VP ngày 4/9/2025 của UBND phường Thủ Dầu Một về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2024-2025 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động tại đơn vị, Trường Mầm non Hoa Lan xây dựng dự toán thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong năm học 2025-2026 như sau:

Tổng số biên chế được giao: 30 người trong đó: Viên chức 21 người; Hợp đồng nghị định 111: 9 người

Tổng số thực hiện: 29 người trong đó: Viên chức 20 người; Hợp đồng nghị định 111: 9 người

Số lớp và số trẻ: 8 lớp, 152 trẻ năm học 2025 -2026

STT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên,tăng, giảm, lý do,...so với năm trước)
I	SỐ HỌC SINH		8	152		
	Nhà trẻ		1	11		
	Mẫu giáo (khối Mầm)		2	32		
	Mẫu giáo (khối Chồi)		3	56		
	Mẫu giáo (khối Lá)		2	53		
	VỀ THU HỌC PHÍ					
II	DỰ TOÁN THU CHI					
A	HỌC PHÍ					
	Tạm thời không triển khai thu học phí chờ văn bản chỉ đạo					
B	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO PHỤ LỤC 1 NQ SỐ 18/2025/NQ-HĐND					
1.	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú					Thu theo tháng
1.1	Mức thu đề nghị 276.000đ/trẻ/tháng	276,000	152			Mức thu năm trước 250.000đ. Tăng 10.4%: 26.000đ
1.2	Tổng dự toán thu đề nghị (152 trẻ)			41,952,000		
1.3	Tổng dự toán chi			41,952,000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	207,000	152	31,464,000	75%	
	+ Chi trả tiền công cho 15 giáo viên. 3 BGH, 2 NV, 9 HĐ (29 người * 1.027.101 đồng /1 người = 29.785.920 đồng)			29,785,920	71%	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất			839,040	2%	
	Chi mua vật tư thay thế sửa chữa điện, nước, quạt,...			839,040	3%	
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			839,040	2%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	69,000	152	10,488,000	25%	
	Gas (35.000đ/1kg * 270kg) (6 bình)			9,284,640		
	Vim Tẩy bồn cầu 880ML (8 lớp x 1/2chai x 45.000đ)			180,000		
	Xà bông giặt omo 380G (10 bịch x 23.000đ)			230,000		8 lớp, 2 nhà bếp
	Cục lifeboy 180g (14 cục x 15.500đ)			217,000		
	Nước rửa chén 3.6kg (5 can x 115.000đ)			575,000		nhà bếp
	Nước rửa chén 3.6kg (2 can x 115.000đ)			230,000		8 lớp, 1 PV
	giấy vệ sinh An An 1 Lốc 1 cuộn (8 lớp x 1 lốc x 39.000đ)			312,000		
	Nước lau sàn 3.6kg (5 can * 110.000đ)			550,000		8 lớp, 2 bếp, phòng chức năng
	Nước lau kiếng (2 chai *29.000đ)			58,000		8 lớp, 2 bếp, phòng chức năng
	Xịt côn trùng (3 chai* 65.000đ)			195,000		

STT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do, so với năm trước)
	Bao tay thực phẩm (0,3kg * 70.000đ)			21,000		
	Bao rác (7kg * 40.000đ)			280,000		
2	Tiền phục vụ ăn sáng (Thu khi phụ huynh có nhu cầu đăng ký cho trẻ ăn sáng)			22,800,000		Thu theo tháng
2.1	Mức thu đề nghị 172.000 đ/trẻ/tháng	172,000				Mức thu năm trước 150.000đ. Tăng 15%: 22.000đ
2.2	Tổng dự toán thu đề nghị		152	26,144,000		
2.3	Tổng dự toán chi			26,144,000	100.0%	
	- Chi thanh toán cá nhân (92%)			25,621,120	98.0%	
	+ Chi trả tiền công phục vụ cho trẻ ăn sáng ngoài giờ qui định cho 15 giáo viên. 3 BGH, 2 NV, 9 HĐ (29 người * 883.487 đồng /1 người = 25.621.120 đồng)			25,621,120	98.0%	
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			522,880	2.0%	
3	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)					Thu theo năm
3.1	Mức thu đề nghị 50.000đ/trẻ/năm	50,000				Tăng mới khoản thu theo NQ số 18/NQ-HĐND
3.2	Tổng dự toán thu đề nghị		152	7,600,000		
	Tổng dự toán chi			7,600,000	100%	
	- Chi trả tiền tổ chức, công khám sức khỏe ban đầu định kỳ cho trẻ (152 trẻ * 50.000đ/1 trẻ= 7.600.000đ)			7,600,000	100%	
4	Thu tiền chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)					Thu theo giờ
4.1	Mức thu đề nghị 11.500đ/trẻ/giờ (Dự kiến: 10 trẻ đăng ký gửi)	11,500				Mức thu năm trước 10.000đ. Tăng 15%: 1.500đ
4.2	Tổng dự toán thu đề nghị (10 trẻ)		10	115,000		
4.3	Tổng dự toán chi			115,000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân			110,400	96%	
	+ Chi tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ giữ trẻ cho giáo viên (2 GV * 55.200đ/1 cô = 110.400đ)			110,400	96%	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất			2,300	2%	
	Chi mua vật tư thay thế sửa chữa điện, nước, quạt,..			2,300		
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			2,300	2%	
C	THU TỔ CHỨC DỊCH VỤ KHÁC CHO CÁ NHÂN HỌC SINH (THEO PHỤ LỤC 2 NQ18/2025)					
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú					Thu theo năm
1.1	Mức thu đề nghị 139.000 đ/trẻ/năm	139,000				
1.2	Tổng dự toán thu đề nghị		152	21,128,000		
1.3	Tổng dự toán chi			21,128,000	100%	
	Chi mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú			21,128,000		
	- Chi mua đồ thay chén, muỗng,...đồ dùng bữa ăn cho trẻ			17,528,000		
	Khay inox trẻ ăn cơm (khối lá 53 cái x 65.000đ)			3,445,000		
	Cà uống nước (50 cái x 31.000đ)			1,550,000		
	Muỗng có cán (40 cái x 15.000đ)			629,500		
	Thớt inox 32cm x 17,5cm(4 cái x 162.000đ)			648,000		
	Nồi inox 30cm (4 cái x 548.000đ)			2,192,000		
	Tô nhỏ 14cm (50 cái x 51.210đ)			2,560,500		
	Bàn chải babay love (3 cái/trẻ MG x 141 trẻ x 5.000đ)			2,115,000		
	Yếm (11 cái x 12.000đ)			132,000		
	Khăn vàng (2 cái/bé x 7.500đ x 152 trẻ)			2,280,000		
	Khăn trắng (2 cái/bé x 6.500đ x 152 trẻ)			1,976,000		
	- Chi mua bổ sung đồ dùng, dụng cụ nhà bếp			3,600,000		
	Thớt lớn 36cm (2 cái x 150.000đ)			300,000		
	Dao thái 22 - 21 (2 cái x 100.000đ)			200,000		
	Dao bảo (2 cái x 30.000đ)			60,000		

STT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do, so với năm trước)
	Kéo to (2 cái x 50.000đ)			100,000		
	Thau nhôm rửa chén 59cm (2 cái x 285.000đ)			570,000		
	Rổ inox 50cm (2 cái x 385.000đ)			770,000		
	Nồi inox 28cm (2 cái x 800.000đ)			1,600,000		
2	Tiền học phẩm - Học cụ - Học liệu					
2.1	Tiền học phẩm					Thu theo năm
a	Mức thu đề nghị 29.000 đ/trẻ/năm	29,000				
b	Tổng dự toán thu đề nghị (152 trẻ)		152	4,408,000		
c	Tổng dự toán chi			4,408,000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn			4,408,000		
	+ Chi mua giấy rô ky, giấy A 4, bìa kiếng			1,520,000		
	+ Chi mua bút sáp, bút màu (15.000đ/hộp)			2,280,000		
	+ Chi mua giấy màu (4.000đ/xấp)			608,000		
2.2	Tiền Học cụ - Học liệu					
2.1.1	- Trẻ lớp 25-36 tháng					Thu theo năm
a	Mức thu đề nghị 53.000 đ/trẻ/năm	53,000				
b	Tổng dự toán thu đề nghị (11 trẻ)		11	583,000		
c	Tổng dự toán chi (11 trẻ)			583,000	100%	
1	Giúp bé làm quen với toán qua hình vẽ (8.500đ/quyển)			93,500		
2	Hoạt động tạo hình (9.000đ/1 quyển)			99,000		
3	Sổ sức khỏe (11.000đ/quyển)			82,500		
4	Bìa nút , giấy bao, kim bấm, ký hiệu cá nhân (28.000đ/1 trẻ)			308,000		
2.1.2	- Trẻ lớp 3-4 tuổi					Thu theo năm
a	Mức thu đề nghị 106.000 đ/trẻ/năm	106,000				
b	Tổng dự toán thu đề nghị (32 trẻ)		32	3,392,000		
c	Tổng dự toán chi			3,392,000	100%	
1	Giúp bé làm quen với toán qua hình vẽ (8.500đ/quyển)			272,000		
2	Giúp bé nhận biết và làm quen với chữ cái (10.000đ/quyển)			320,000		
3	Hoạt động tạo hình (10.500đ/1 quyển)			336,000		
4	Bé khám phá khoa học (8.500đ/1 quyển)			272,000		
5	Sổ bé ngoan (8.000đ/quyển)			256,000		
6	Sổ sức khỏe (10.500đ/quyển)			336,000		
7	Bìa nút , giấy bao, kim bấm, ký hiệu cá nhân (34.000đ/ 1 trẻ)			1,088,000		
8	Sách ATGT (16.000đ/ 1 quyển * 32 trẻ)			512,000		
2.1.3	- Trẻ lớp 4-5 tuổi					Thu theo năm
a	Mức thu đề nghị 110.000 đ/trẻ/năm	110,000				
b	Tổng dự toán thu đề nghị (56 trẻ)		56	6,160,000		
c	Tổng dự toán chi			6,160,000	100%	
1	Giúp bé làm quen với toán qua hình vẽ (9.500đ/quyển)			532,000		
2	Giúp bé nhận biết và làm quen với chữ cái (10.000đ/quyển)			560,000		
3	Hoạt động tạo hình (11.500đ/1 quyển)			644,000		
4	Bé khám phá khoa học (10.500đ/1 quyển)			588,000		
5	Sổ bé ngoan (8.000đ/quyển)			448,000		
6	Sổ sức khỏe (10.500đ/quyển)			588,000		
7	Bìa nút , giấy bao, kim bấm, ký hiệu cá nhân (34.000đ/ 1 trẻ)			1,904,000		
8	Sách ATGT (16.000đ/ 1 quyển * 56 trẻ)			896,000		
2.1.4	- Trẻ lớp 5-6 tuổi					Thu theo năm
a	Mức thu đề nghị 155.000 đ/trẻ/năm	155,000				
b	Tổng dự toán thu đề nghị (53 trẻ)		53	8,215,000		
c	Tổng dự toán chi (53 trẻ)			8,215,000	100%	
1	Giúp bé làm quen với toán qua các con số (12.500đ/quyển)			662,500		
2	Giúp bé tập tô các nét cơ bản và làm quen với chữ cái qua hoạt động tạo hình (10.500đ/quyển)			556,500		
3	Hoạt động tạo hình (13.000đ/1 quyển)			689,000		
4	Bé khám phá khoa học (11.500đ/1 quyển)			609,500		
5	Bé vào lớp một- chuẩn bị cho việc học đọc, học viết (20.000đ/ 1 quyển)			1,060,000		
6	Phát triển ngôn ngữ, kĩ năng giao tiếp và mở rộng vốn từ (18.000đ/1 quyển)			954,000		
7	Sổ bé ngoan (8.000đ/quyển)			424,000		

STT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do, so với năm trước)
8	Sổ sức khỏe (10.500đ/quyển)			556,500		
9	Bìa nút , giấy bao, kim bấm, ký hiệu cá nhân (35.000đ/ 1 trẻ)			1,855,000		
10	Sách ATGT (16.000đ/ 1 quyển * 53 trẻ)			848,000		
3	Tiền mua sắm đồ dùng phục học sinh					Thu theo bộ
a	Mức thu đề nghị 130.000 đ/bộ	130,000				
b	Tổng dự toán thu đề nghị (100 bộ)		100	13,000,000		
c	Tổng dự toán chi			13,000,000	100%	
	Chi trả hết cho công ty đồng phục học sinh			13,000,000		
3	Tiền suất ăn bán trú (ăn trưa và ăn xế)					Thu theo ngày
3.1	Mức thu đề nghị 29.000 đ/trẻ/ngày	29,000				Hoàn trả khi trẻ nghỉ học trong tháng
3.2	Tổng dự toán thu đề nghị 1 ngày (152 trẻ x 32.000đ)	29,000	152	4,408,000		
3.3	Tổng dự toán chi			4,408,000	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn			4,408,000		
	+ Chi trả hết cho bữa ăn trưa và ăn xế cho trẻ			4,408,000		
4	Tiền suất ăn sáng					Theo ngày, theo nhu cầu của cha mẹ trẻ
4.1	Mức thu đề nghị 11.000 đ/trẻ/ngày	11,000				Hoạt động cung ứng dịch vụ thực hiện theo nhu cầu của PH nên không hoàn trả nếu PH đã đăng ký.
4.2	Tổng dự toán thu đề nghị 1 ngày (152 trẻ x 11.000đ)		152	1,672,000		
4.3	Tổng dự toán chi			1,672,000	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn			1,672,000		
	+ Chi trả hết cho bữa ăn sáng cho trẻ			1,672,000	100%	
5	Tiền nước uống					Thu theo tháng
3.1	Mức thu đề nghị 15.000 đ/trẻ/tháng	15,000		15,000		
3.2	Tổng dự toán thu đề nghị 1 ngày (152 trẻ x 15.000đ)		152	2,280,000		
3.3	Tổng dự toán chi			2,280,000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn			2,280,000		
	- Chi trả tiền nước uống cho trẻ (90 bình x 25,333 đ/bình)			2,280,000	100%	
D THU DỊCH VỤ KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO THEO PHỤ LỤC SỐ 3B NQ18/2025						
1.	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài					
1.1	Mức thu đề nghị 230.000 đ/trẻ/tháng	230,000				Mức thu năm rồi 210.000đ do không có gv nước ngoài Tăng 10%: 20.000đ do liên kết C.ty có 20% người nước ngoài giảng dạy
1.2	Tổng dự toán thu đề nghị (141 trẻ x 230.000đ)		141	32,430,000		
1.3	Tổng dự toán chi			32,430,000	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn (96%)			31,132,800	96%	
	+ Chi tiền phí giảng dạy cho trung tâm			31,132,800		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất 2%			648,600	2%	
	+ Mua vật tư thay thế sửa chữa điện, quạt, tivi,...phục vụ hoạt động ngoại khóa			648,600		
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			648,600	2%	
2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể thao, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi (thể dục nhịp điệu)					
2.1	Mức thu đề nghị 110.000 đ/trẻ/tháng	110,000				Mức thu năm rồi 90.000đ Tăng 23%: 20.000đ do liên kết khác C.ty

STT	NỘI DUNG	MỨC THU	SỐ TRẺ	SỐ DỰ TOÁN	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do, so với năm trước)
2.2	Tổng dự toán thu đề nghị (141 trẻ x 110.000đ)		141	15,510,000		
2.3	Tổng dự toán chi			15,510,000	100%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn (96%)			14,889,600	96%	
	+ Chi tiền phí giảng dạy cho trung tâm			14,889,600		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất 2%			310,200	2%	
	+ Mua vật tư thay thế sửa chữa điện, quạt, tivi,...phục vụ hoạt động ngoại khóa			310,200		
	- Chi nộp thuế TNDN 2%			310,200	2%	

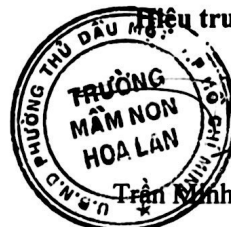
Thủ Dầu Một, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Kế toán



Huỳnh Thị Thanh Tâm

Hiệu trưởng



Trần Minh Châu

